TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LẬP THẠCH** **TỈNH VĨNH PHÚC**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bán án: 07/2022/HNGĐ-ST
Ngày 25 tháng 3 năm 2022
V/v: "Ly hôn và tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẬP THẠCH, TỈNH VĨNH PHÚC

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Trần Thị Huệ.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Triệu Kiên Toàn

Ông Trần Trung

Thư ký toà án ghi biên bản phiên toà : Bà Nguyễn Thị Trang

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Lập Thạch tham gia phiên toà*:* Ông Ngô Trường Út - kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 143/2021/TLST- HNGĐ, ngày 24 tháng 11 năm 2021 về việc ly hôn và tranh chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:143/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 07 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1993; Nơi đăng ký HKTT: thôn H, xã T, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc; Nơi cư trú: thôn T, làng P, xã P, huyện P, Thừa Thiên Huế (có mặt).

Bị đơn: Anh Khổng Văn V, sinh năm 1992; Nơi cư trú: thôn H, xã T, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 22 tháng 11 năm 2021 quá trình giải quyết và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:

Chị kết hôn với anh Khổng Văn V ngày 29/3/2017 trước khi kết hôn được tự do tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc. Cưới xong chị về chung sống cùng gia đình anh V ngay. Quá trình vợ chồng chung sống hoà thuận đến tháng 6 năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, anh V không chăm lo công việc, ham chơi, không quan tâm chăm sóc gia đình. Tháng 7/2019 chị có làm đơn xin ly hôn anh V nhưng sau đó anh V có thái độ hối lỗi nên chị rút đơn để vợ chồng về đoàn tụ nhưng sau đó vợ chồng không cải thiện được, vợ chồng đã ly thân từ tháng 02/2021 đến nay. Hai bên gia đình

có dàn xếp nhưng vợ chồng không về đoàn tụ. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị xin được ly hôn với anh V.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Khổng Bảo A, sinh ngày 05/3/2018 (hiện nay con đang ở với anh V). Quá trình giải quyết chị xin được nuôi con và yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị 2.000.000đồng/tháng đến khi con đủ 18 tuổi. Tại phiên tòa chị không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị. Hiện chị đi làm công nhân tại Công ty TNHH Dệt may VTJTOSM thu nhập bình quân của chị từ 6.000.000đ đến 7.000.000đ/tháng.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ và công sức: Chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Khổng Văn Vtrình bày: Về thời gian kết hôn như chị T trình bày là đúng. Quá trình vợ chồng anh chung sống đến tháng 02/2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hợp bất đồng quan điểm sống, không quan tâm chăm sóc lẫn nhau, có lần anh có tát chị T. Vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Nay chị T xin ly hôn anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh đồng ý ly hôn với chị T.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung như chị T trình bày là đúng. Ly hôn anh xin nuôi con và không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh, hiện anh đi làm tự do thu nhập bình quân từ 8.000.000đ đến 12.000.000đ/tháng.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ và công sức: Anh không đề nghị Toà án giải quyết.

Qua xác minh tại UBND xã T: Anh Khổng Văn V và chị Nguyễn Thị T kết hôn năm 2017 tại UBND T. Sau khi kết hôn chị T về chung sống cùng gia đình anh V tại thôn H, xã T. Quá trình anh chị chung sống có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do đâu thì địa phương không nắm được, từ đầu năm 2021 chị T không sinh sống cùng gia đình anh V nữa. Về con chung: Vợ chồng có một con Khổng Bảo A, sinh ngày 05/3/2018, hiện đang ở với anh V. Về tài sản, công nợ, công sức địa phương không nắm được. Nay anh chị ly hôn đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật đảm bảo quyền lợi cho các bên. Hiện nay anh V đang là lao động tự do tại địa phương, thu nhập bình quân của lao động tại địa phương từ 6.000.000đ đến 7.000.000đ/tháng. Chi phí để nuôi trẻ nhỏ khoảng 4 tuổi đến 5 tuổi ở địa phương là 1.500.000đ đến 2.000.000đ.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lập Thạch phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 Luật thi hành án; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14

ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí toà án.

1. Xử cho chị Nguyễn Thị T và anh Khổng Văn V được ly hôn.

2.Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị T được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Khổng Bảo A, sinh ngày 05/3/2018. Anh V không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T.

3. Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: Không yêu cầu, không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu theo qui định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị T và anh Khổng Văn V là hôn nhân hợp pháp có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc. Quá trình vợ chồng chung sống mâu thuẫn theo chị Tnguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, anh V không chăm lo công việc, ham chơi, không quan tâm chăm sóc gia đình. Theo anh V nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng tính tình không hợp bất đồng quan điểm sống, không quan tâm chăm sóc lẫn nhau, có lần anh có tát chị T. Nay chị T xin ly hôn anh V đồng ý. Xét tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh V đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, việc chị T xin ly hôn anh V là có căn cứ phù hợp với Luật hôn nhân gia đình nên chấp nhận.

[2]Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung Khổng Bảo A, sinh ngày 05/3/2018. Quá trình giải quyết chị T xin nuôi con và yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị 2.000.000đ/ tháng cho đến khi cháu A đủ 18 tuổi, tại phiên tòa chị không yêu cầu anh Vcấp dưỡng nuôi con chung cùng chị. Hiện chị T làm công nhân tại Công ty TNHH Dệt may VTJTOSM thu nhập bình quân của chị từ 6.000.000đ đến 7.000.000đ/tháng. Anh V xin nuôi con và không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh, hiện anh đi làm tự do thu nhập bình quân từ 8.000.000đ đến 12.000.000đ/tháng. Xét việc nuôi con của các bên thấy rằng hiện cháu A còn nhỏ cần có sự chăm sóc của người mẹ, để đảm bảo quyền và lợi ích cho con chưa thành niên và người phụ nữ sau khi ly hôn. Việc chị T xin nuôi con và không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị là tự nguyện nên chấp nhận. Do vậy căn cứ vào Điều 81, Điều 82 luật Hôn nhân gia đình giao chị T trực tiếp nuôi cháu Khổng Bảo A và anh V không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T.

3] Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ và công sức: Chị T, anh V không đề nghị nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Chị T phải chịu theo quy định của pháp luật.

[5] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát đề nghị có căn cứ, phù hợp với phần nhận định, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 56 và các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 Luật thi hành án và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí toà án.

1. Xử cho chị Nguyễn Thị T và anh Khổng Văn V được ly hôn.

2. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị T được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Khổng Bảo A, sinh ngày 05/3/2018, hiện cháu A đang ở cùng anh V. Anh V không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T. Anh V có quyền thăm nuôi con không ai được ngăn cản.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành án theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: Không yêu cầu không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000đ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ số tiền 300.000đ chị đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0006084 ngày 24/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lập Thạch. Chị T nộp đủ án phí.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(đã ký tên và đóng dấu)

Trần Thị Huệ

Nơi nhận:
- VKSND huyện Lập Thạch;
- Chi cục THA huyện Lập Thạch;
- Đương sự;
- UBND xã Tử Du;
- Lưu.